

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ trong các lĩnh vực: Nghề thủ công mỹ nghệ, Thương mại quốc tế, Xúc tiến thương mại, Điện, Lưu thông hàng hoá trong nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương/Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1200/QĐ-BCT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới được ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Nghề thủ công mỹ nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 3416/QĐ-BCT ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thay thế/thủ tục hành chính bị huỷ bỏ hoặc bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 629/TTr-SCT ngày 29 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành, 23 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và 05 thủ tục hành chính bãi bỏ mã hồ sơ trong các lĩnh vực: Nghề thủ công mỹ nghệ, Thương mại quốc tế, Xúc tiến thương mại, Điện, Lưu thông hàng hoá trong nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương/Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa (có Danh mục kèm theo)¹.

Điều 2. Giao Sở Công Thương xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để xây dựng quy trình điện tử trước ngày 06/6/2024.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/6/2024.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

¹ Tra cứu toàn bộ nội dung của TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>.

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH/ĐƯỢC SỬA ĐỔI BỔ SUNG/ BỊ BÃI BỎ TRONG CÁC LĨNH VỰC: NGHỀ THỦ CÔNG MỸ NGHỆ, THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ, XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI, ĐIỆN, LƯU THÔNG HÀNG HOÁ TRONG NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG/ BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ NGHI SƠN VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH THANH HOÁ
(Kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/____/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

Stt	Tên thủ tục hành chính (Mã hồ sơ TTHC trên Cổng DVC quốc gia)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC: NGHỀ THỦ CÔNG MỸ NGHỆ					
1	Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ. (1.012471.H56)	90 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, đầy đủ theo quy định.	<ul style="list-style-type: none"> Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến toàn trình tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn 	Không	<ul style="list-style-type: none"> Luật Di sản văn hoá năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009; Luật thi đua, khen thưởng năm 2022; Nghị định số 43/2004/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực Nghề thủ công mỹ nghệ.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Sửa đổi đổi, bổ sung 05 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thương mại quốc tế đã được công bố tại Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 17/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá.

Stt	Tên thủ tục hành chính (Mã hồ sơ TTHC trên Cổng DVC Quốc gia)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung
I. LĨNH VỰC: THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ						
1	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. (2.000063.000.00.00.H56)	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	1. Đối với trường hợp thương nhân dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ngoài Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế, Khu công nghệ cao, thương nhân nộp hồ sơ tại:	3.000.000 đồng.	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định biểu mẫu Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy	- Thời hạn giải quyết; - Bổ sung Cơ quan có thẩm quyền giải quyết.
2	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. (2.000450.000.00.00.H56)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).	1.500.000 đồng.		- Bổ sung Cơ quan có thẩm quyền giải quyết.
3	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp giấy phép. (2.000314.000.00.00.H56)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	2. Đối với trường hợp thương nhân dự kiến đặt trụ sở trong Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế, Khu công nghệ cao, thương nhân	Không		- Bổ sung Cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

4	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. (2.000347.000.00.00.H56)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	nộp hồ sơ tại: - Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả của Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa (Km 372, Quốc lộ 1A, phường Trúc Lâm, Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa).	1.500.000 đồng.	định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	- Thời hạn giải quyết; - Bổ sung Cơ quan có thẩm quyền giải quyết.
5	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. (2.000327.000.00.00.H56)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	3. Qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến toàn trình tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	1.500.000 đồng.	- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	- Thời hạn giải quyết; - Bổ sung Cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI THỜI HẠN GIẢI QUYẾT THEO HÌNH THỨC TRỰC TUYẾN

Sửa đổi thời hạn giải quyết theo hình thức trực tuyến của 18 thủ tục hành chính đã được phê duyệt tại Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết khi nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến so với hình thức trực tiếp/bưu chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Stt	Tên thủ tục hành chính (Mã hồ sơ TTHC trên Cổng DVC quốc gia)	Thời gian giải quyết		
		Theo quy định	Làm trực tiếp/ bưu chính	Làm trực tuyến

I. Lĩnh vực: Điện				
1	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương. (2.001249.000.00.00.H56)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
II. Lĩnh vực: Lưu thông hàng hoá trong nước				
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu. (2.000645.000.00.00.H56)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
3	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu. (2.000648.000.00.00.H56)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
III. Lĩnh vực: Xúc tiến Thương mại				
4	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam. (2.002604.H56)	1. Trường hợp hồ sơ không phải xin ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2. Trường hợp hồ sơ phải xin ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng: 40 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	1. Trường hợp hồ sơ không phải xin ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2. Trường hợp hồ sơ phải xin ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng: 40 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	1. Trường hợp hồ sơ không phải xin ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2. Trường hợp hồ sơ phải xin ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng: 40 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
5	Sửa đổi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam. (2.002605.H56)	14 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	14 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	14 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
6	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại	- Trường hợp 1: 14 ngày	- Trường hợp 1: 14 ngày kể	- Trường hợp 1: 14 ngày kể

	diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam. (2.002606.H56)	kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1a Điều 28 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị định số 14/2024/NĐ-CP. - Trường hợp 2: 26 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1a Điều 28 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị định số 14/2024/NĐ-CP.	từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1a Điều 28 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị định số 14/2024/NĐ-CP. - Trường hợp 2: 26 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1a Điều 28 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị định số 14/2024/NĐ-CP.	từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1a Điều 28 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị định số 14/2024/NĐ-CP. - Trường hợp 2: 26 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1a Điều 28 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị định số 14/2024/NĐ-CP.
7	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam. (2.002607.H56)	14 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	14 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	14 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
8	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam. (2.002608.H56)	37 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	37 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	37 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
IV. Lĩnh vực: Thương mại quốc tế				
9	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT). (1.000774.000.00.00.H56)	55 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	55 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	55 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

10	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa. (2.000255.000.00.00.H56)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
11	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP. (2.000272.000.00.00.H56)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
12	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại. (2.000322.000.00.00.H56)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
13	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. (2.000330.000.00.00.H56)	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp cấp giấy phép kinh doanh để thực hiện hoạt động quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP: thời hạn giải quyết là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với trường hợp cấp giấy phép kinh doanh để thực hiện hoạt động quy định tại các điểm b, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 5 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP: thời hạn giải quyết là 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp cấp giấy phép kinh doanh để thực hiện hoạt động quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP: thời hạn giải quyết là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với trường hợp cấp giấy phép kinh doanh để thực hiện hoạt động quy định tại các điểm b, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 5 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP: thời hạn giải quyết là 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp cấp giấy phép kinh doanh để thực hiện hoạt động quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP: thời hạn giải quyết là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với trường hợp cấp giấy phép kinh doanh để thực hiện hoạt động quy định tại các điểm b, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 5 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP: thời hạn giải quyết là 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

		- Đối với trường hợp cấp giấy phép kinh doanh để thực hiện hoạt động quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP: thời hạn giải quyết là 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Đối với trường hợp cấp giấy phép kinh doanh để thực hiện hoạt động quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP: thời hạn giải quyết là 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Đối với trường hợp cấp giấy phép kinh doanh để thực hiện hoạt động quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP: thời hạn giải quyết là 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
14	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP. (2.000351.000.00.00.H56)	28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
15	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT). (2.000361.000.00.00.H56)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
16	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí. (2.000362.000.00.00.H56)	28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
17	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn.	28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

	(2.000370.000.00.00.H56)			
18	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini. (2.002166.000.00.00.H56)	55 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	55 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	55 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

IV. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ MÃ HỒ SƠ TRÊN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Bãi bỏ 05 mã hồ sơ thủ tục hành chính tại Quyết định số 3620/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Thương mại quốc tế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Thanh Hoá do được chuẩn hoá lại mã hồ sơ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

Stt	Mã hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ mã hồ sơ thủ tục hành chính
1	1.006633	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	Bãi bỏ mã hồ sơ do được chuẩn hóa lại theo Quyết định số 3416/QĐ-BCT ngày 18/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
2	1.006636	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	
3	1.006638	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	
4	1.006641	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	
5	1.006643	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	